

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2025/DS-PT
Ngày 24 - 9 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lại Thị Hiếu.

Thẩm phán: Ông Phạm Tuấn Minh, bà Tòng Thị Hiền.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Quyên - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025 về việc Tranh chấp hợp vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2025/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 6, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 44/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Y, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Bản U, xã M, huyện V, tỉnh Sơn La (nay là bản U, xã V, tỉnh Sơn La), có mặt.

- Bị đơn: Bà Hà Thị T, sinh năm: 1979 và ông Bùi Văn H, sinh năm: 1981. Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường V, thị xã M, tỉnh Sơn La (nay là Tổ dân phố Đ, phường V, tỉnh Sơn La), có mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Hà Thị T, ông Bùi Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị Y trình bày:**

Bà Đỗ Thị Y và bà Hà Thị T, ông Bùi Văn H không mối quan hệ họ hàng chỉ là quen biết nhau, bà Y và bà T, ông H không có mâu thuẫn gì với nhau.

Ngày 18/4/2022, bà Đỗ Thị Y có cho bà Hà Thị T, ông Bùi Văn H vay số tiền là 302.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi xuất là 2,5%/tháng. Thời hạn vay là từ ngày 18/4/2022 đến ngày 27/5/2022 nếu không trả được sẽ trả bằng nương rẫy, lãi chậm trả là 150% lãi trong hạn.

Ngày 01/6/2022 ông Bùi Văn H có chuyển khoản trả cho bà Y số tiền 60.000.000 đồng.

Do quá hạn bà Y đòi tiền nhiều lần nhưng vợ chồng ông H, bà T không trả. Do đó bà Đỗ Thị Y có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình bà Hà Thị T, ông Bùi Văn H trả cho bà Y số tiền gốc và lãi là 386.021.000 đồng như thỏa thuận trong hợp đồng vay.

**** Ý kiến trình bày của bị đơn bà Hà Thị T, ông Bùi Văn H trong bản tự khai và tại phiên toà như sau:***

Bà Hà Thị T, ông Bùi Văn H và bà Đỗ Thị Y không mối quan hệ họ hàng chỉ là quen biết nhau, bà T, ông H và bà Y không có mâu thuẫn gì với nhau.

Ngày 24/12/2016, bà Hà Thị T và ông Bùi Văn H có vay của bà Đỗ Thị Y số tiền 60.000.000 đồng. Khi vay bà Đỗ Thị Y viết giấy vay tiền vào sổ của bà Y và bà T, ông H có ký xác nhận vào sổ.

Ngày 01/6/2022, bà Hà Thị T và ông Bùi Văn H có trả bà Đỗ Thị Y số tiền gốc là 60.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản qua số tài khoản của bà Y và chưa thanh toán khoản tiền lãi nào cho bà Đỗ Thị Y.

Hiện nay, bà Đỗ Thị Y trình cho Tòa án Hợp đồng cho vay tiền ngày 18/4/2022 bà T, ông H xác định chữ ký và chữ viết trên hợp đồng không phải là của bà T, ông H và đề nghị được giám định chữ ký.

Ngày 04/6/2025, Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La đã ra quyết định trưng cầu giám định số (01) gửi phòng K Công an tỉnh S giám định chữ ký, chữ viết của bà Hà Thị T và ông Bùi Văn H, cụ thể.

Chữ ký, chữ viết mang tên Hà Thị T dưới mục “NGƯỜI LÀM CHỨNG” trên mẫu giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Hà Thị T trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 có phải do cùng một người ký, viết ra không?

Chữ ký, chữ viết mang tên Bùi Văn H dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” trên mẫu giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Bùi Văn H trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 có phải do cùng một người ký, viết ra không?

Tại kết luận số 669/KL-KTHS ngày 16/6/2025 của phòng K Công an tỉnh S kết luận:

- Chữ ký, chữ viết mang tên Hà Thị T dưới mục "NGƯỜI LÀM CHỨNG" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Hà Thị T trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký, chữ viết mang tên Bùi Văn H dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN B" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Bùi Văn H trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký, viết ra.

*** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Sơn La đã quyết định:**

Căn cứ Điều 274; khoản 1 Điều 275; Điều 280; Điều 463, 464, 465, 466, khoản 1 Điều 468 BLDS năm 2015:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 2, Điều 5 Nghị quyết số 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Y về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Hà Thị T, ông Bùi Văn H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đỗ Thị Y số tiền là 406.450.000 đồng (Bốn trăm linh sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Trong đó tiền nợ gốc là 249.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu đồng) và tiền lãi đến ngày xét xử (29/7/2025) là 157.450.000 đồng (Một trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Về chi phí tố tụng: Bà Hà Thị T, ông Bùi Văn H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị Y số tiền 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí giám định chữ ký.

Kể từ ngày bà Đỗ Thị Y có đơn yêu cầu bà Hà Thị T, ông Bùi Văn H thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho bà Đỗ Thị Y cho đến khi thi hành án

xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Bà Hà Thị T, ông Bùi Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 20.258.000 đồng (Hai mươi triệu hai trăm năm mươi tám nghìn đồng) nộp tại phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Sơn La.

T1 trả lại bà Đỗ Thị Y số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 9.650.000 đồng (Chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002890 ngày 10/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mộc Châu nay là Phòng Thi hành án khu vực 6 - Sơn La.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

*** Sau khi xét xử sơ thẩm:**

Ngày 14/8/2025, Toà án nhân dân khu vực 6 - tỉnh Sơn La có nhận được đơn kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị T, ông Bùi Văn H với các nội dung:

Bà Đỗ Thị Y kiện gia đình bà T, ông H năm 2022 có vay với số tiền 302.000.000 đồng (Ba trăm linh hai triệu đồng) với lãi xuất 2,5%/tháng là không đúng sự thật, căn cứ chứng minh:

Năm 2022 gia đình bà T, ông H có chuyển nhượng nung cho bà Nguyễn Thị Thanh S, sinh năm 1980, địa chỉ: Phường Q, thành phố S (nay là phường T, thành phố S) với số tiền là 513.000.000 đồng (Năm trăm mười ba triệu đồng). Nên gia đình bà T, ông H không có nhu cầu vay tiền của bà Đỗ Thị Y trong năm 2022. Vậy đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị Y khởi kiện gia đình bà T, ông H năm 2022 là không đúng sự thật. Ngày 24/12/2016 gia đình bà T, ông H có vay của bà Đỗ Thị Y với số tiền là 60.000.0000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) với lãi xuất 3%/tháng. Đến ngày 1/6/2022 gia đình bà T, ông H đã trả số tiền gốc là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) cho bà Y chưa tính lãi xuất, hình thức giả tiền chuyển khoản.

*** Tại phiên toà phúc thẩm:**

- Ý kiến tranh luận của nguyên đơn: Không nhất trí với nội dung kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân khu vực 6, tỉnh Sơn La.

- Ý kiến tranh luận của bị đơn: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Thực tế bị đơn vay 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) của bà Y và đã trả ngày 01/6/2022 cho bà Y. Còn số tiền 302.000.000 đồng (ba trăm linh hai triệu đồng) bà T, ông H vay là không đúng sự thật.

- Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Hà Thị T, ông Bùi Văn H làm trong hạn luật định, thoả mãn về hình thức, chủ thể và phạm vi kháng cáo theo quy định tại các Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, do vậy được chấp nhận giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị T, ông Bùi Văn H:

[2.1] Bị đơn bà Hà Thị T, ông Bùi Văn H khẳng định không ký hợp đồng vay tài sản với nguyên đơn bà Đỗ Thị Y:

Ngày 04/6/2025, Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6), tỉnh Sơn La đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với hợp đồng vay tài sản (do nguyên đơn xuất trình).

Tại kết luận số 669/KL-KTHS ngày 16/6/2025 của phòng K Công an tỉnh S kết luận:

- Chữ ký, chữ viết mang tên Hà Thị T dưới mục "NGƯỜI LÀM CHỨNG" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Hà Thị T trên mẫu so sánh ký hiện M1, M2 là do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký, chữ viết mang tên Bùi Văn H dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN B" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Bùi Văn H trên mẫu so sánh ký hiện M1, M2 là do cùng một người ký, viết ra.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định hợp đồng vay tiền ngày 18/4/2022 giữa bà Đỗ Thị Y và bà Hà Thị T, ông Bùi Văn H là do bà T và ông H ký.

[2.2] Xét hình thức, nội dung, tính hợp pháp của “Hợp đồng cho vay tiền”

[2.2.1] Xét “Hợp đồng cho vay tiền” là bản gốc đề ngày 18/4/2022 tại gia đình nhà Bùi Văn H, đại bên cho vay bà Đỗ Thị Y (Bên A), đại diện bên vay (Bên B) bà Hà Thị T và ông Bùi Văn H (có đầy đủ số căn cước công dân và ngày cấp của bà T và ông H). Sau khi thỏa thuận cùng nhau ký hợp đồng vay tiền với số tiền là 302.000.000 đồng (ba trăm linh hai triệu đồng), lãi suất 2,5%/tháng, tính từ ngày 27/5/2022 anh Thịnh H1 không có tiền thì trả bằng nương rẫy, tiền lãi chậm trả là 150%, hợp đồng có hiệu lực từ ngày 18/4/2022. Ông Bùi Văn H và bà Hà Thị T có ký xác nhận và Hợp đồng vay tiền (ông H ký vào dưới người đại diện bên B, bà T ký vào dưới người làm chứng).

[2.2.2] Bà Hà Thị T, ông Bùi Văn H xác định ngày 24/12/2016 có vay của bà Đỗ Thị Y số tiền 60.000.000 đồng, khi vay thì bà Đỗ Thị Y viết giấy vay tiền vào sổ của bà Y và bà T, ông H có ký xác nhận vào sổ. Tuy nhiên không xuất trình được tài liệu chứng minh.

[2.2.3] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn bà T và ông H yêu cầu bà Y cung cấp sổ gốc cho vay tiền của bà Y. Đồng thời yêu cầu được giám định chữ viết và chữ ký của bà T và ông H trên giấy vay tiền đề ngày 18/4/2022. Bà Đỗ Thị Y cho biết hiện bà không có lưu giữ sổ sách nào khác liên quan đến khoản vay như ông H trình bày, mà chỉ có Hợp đồng cho vay tiền ngày 18/4/2022 đã giao nộp bản gốc cho Tòa án.

[3] Như vậy, Toà án nhân dân thị xã Mộc Châu (nay là Toà án nhân dân khu vực 6), tỉnh Sơn La căn cứ hợp đồng cho vay tiền lập ngày 18/4/2022; kết luận giám định số 669/KL-KTHS ngày 16/6/2025 của phòng K Công an tỉnh S về việc giám định chữ ký của bà Hà Thị T và ông Bùi Văn H. Chứng minh yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Y là có căn cứ. Và trong quá trình vay ngày 01/6/2022 ông Bùi Văn H, bà Hà Thị T đã thanh toán cho bà Đỗ Thị Y số tiền 60.000.000 đồng, trong đó 53.000.000 đồng là tiền gốc và 7.000.000 đồng tiền lãi, tại phiên tòa hai bên đều nhất trí về khoản tiền đã thanh toán trong đó 7.000.000 đồng là tiền lãi, còn lại 53.000.000 đồng là tiền gốc.

[4] Về phần lãi suất: Toà án nhân dân thị xã Mộc Châu (nay là Toà án nhân dân khu vực 6), tỉnh Sơn La đã căn cứ vào tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự và Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Để tính lãi suất đến ngày xét xử sơ thẩm là đúng, có căn cứ pháp luật.

[5] Về án phí: Bị đơn bà Hà Thị T, ông Bùi Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000200 ngày 15/8/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - tỉnh Sơn La.

[6] Từ các căn cứ nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DSST ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Sơn La.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTNQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị T, ông Bùi Văn H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Sơn La như sau:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Y về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Hà Thị T, ông Bùi Văn H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đỗ Thị Y số tiền là 406.450.000 đồng (Bốn trăm linh sáu triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Trong đó tiền nợ gốc là 249.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu đồng) và tiền lãi đến ngày xét xử (29/7/2025) là 157.450.000 đồng (Một trăm năm mươi bảy triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bà Hà Thị T, ông Bùi Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000200 ngày 15/8/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - tỉnh Sơn La.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 24/9/2025)./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND khu vực 6, tỉnh Sơn La;
- Phòng THADS khu vực 6, tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 6, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Phòng GDT, KT và TT, THA;
- Tổ hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Hiếu

*** Chủ tọa:**

H, T: K cần phổ biến lại quyền và nghĩa vụ

H, T: Đương sự nộp thêm chứng cứ

H, T: Ngày kháng cáo là ngày với nội dung c Y cho tôi vay tiền là k đúng

H, T: Gi ữ nguyên yêu cầu kháng cáo

Y: K thỏa thuận đc với nhau (ng đơn, bị đơn)

***Hưng HỎI Y:**

Y: Ông đề nghị tôi cho ông vay

Y: Chứng cứ là có giấy tờ chứng minh

****Chủ tọa hỏi H:***

H: Vay từ năm 2016, có làm giấy tờ vay nợ. Tôi k giữ giấy tờ đó, bag Y giữ. Tôi k có yêu cầu vay bà Y khoản tiền nào thêm

****Chủ tọa hỏi Y:***

Y: Thời gian k nhớ rõ ngày tháng, năm 2022, vay 302tr

Y: Lãi suất vay 2,5%/ tháng, đã ký

Y: Đến t6 ông H trả tôi 60tr

****Chủ tọa hỏi H:***

H: Tôi k vay, đây là vu khống, k đc ký HĐ,

H: Tôi chưa đc nhận bản kết luận giám định

H: Tôi năm 2016 tôi vay của c Y, nhưng năm 2022 thì tôi k đc vay

H: tẠI Phiên tòa hôm nay xuất trình giấy tờ đó nghĩa là năm 2022 tôi có tiền mà tôi k vay tiền

****Vks HỎI BỊ ĐƠN***

Tại sao năm 2016 vay mà 2022 mới trả nợ

H: Nguyên đơn k đòi, mà tôi tự trả

****PhẦN tranh luận: Bị đơn H: Năm 2022, gđ tôi chuyển nhượng hơn 500tr, sau đó tôi đã trả 60tr. Còn năm 2022, tôi k nợ 302tr như c Y trình bày***

Nguyên đơn Y: Có vay của tôi, hôm trả có ghi là trả 60tr chưa kể rõ gốc và lãi số tiền 60tr ạ

****Quan điểm VKS:***